



THE
WORLD
BANK



Dự án VnSAT - Chuyển đổi nông nghiệp bền vững

BẢN TIN TUẦN

Tuần 50 (từ 10/12 – 14/12/2018)



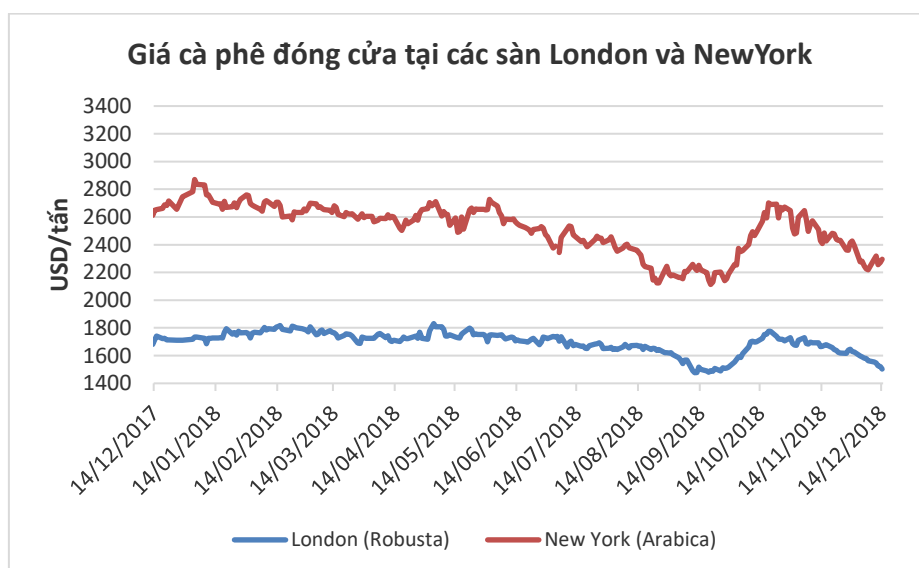
ĐIỂM TIN

Giá cà phê Robusta tuần này giảm 3,3% so với tuần trước

Giá cà phê Arabica tuần này giảm 1,7% xuống còn 2.249,8 USD/tấn.

Hiệp hội Xuất khẩu Cà phê Brazil cho biết nước này đã xuất khẩu được 3,42 triệu bao trong tháng 11.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE, www.theice.com

Giá cà phê Robusta bình quân trên sàn kỳ hạn London tuần này 1.531USD/tấn, giảm 3,3% so với tuần trước và thấp hơn 10,9% so với cùng kỳ năm 2017. Giá cao nhất trong tuần đạt 1.554 USD/tấn, giá thấp nhất là 1.504 USD/tấn. [1]

Giá cà phê Arabica bình quân trên sàn kỳ hạn New York tuần này đạt 2.287,3 USD/tấn, thấp hơn 1,7% so với mức giá tuần trước và thấp hơn 13,8 % so với cùng thời điểm năm 2017.



Giá cao nhất trong tuần đạt 2.318,2 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần đạt 2.256,4 USD/tấn. [1]

Giá cà phê tuần qua tiếp tục giảm mạnh khi khối lượng lớn cà phê xuất khẩu của Brazil được chuyển về các thị trường trường tiêu thụ đồng thời dự báo nguồn cung sẽ tăng cao khi vụ mùa cà phê arabica tại Mexico và Trung Mỹ đang trong giai đoạn thu hoạch. [2]

Viện Địa lý và Thống kê Brazil (Instituto Brasileiro de Geografia e Estatística – IBGE) điều chỉnh dự báo sản lượng vụ mùa năm nay thêm 1,7%, lên ở mức 59,6 triệu bao, gồm 44,8 triệu bao Arabica và 14,8 triệu bao Conilon Robusta. Tuy nhiên, thị trường đánh giá dự báo của IBGE thường có xu hướng thấp khoảng 10% so với thực tế, đồng nghĩa với sản lượng Brazil năm nay gần 65 triệu bao, xấp xỉ với nhiều dự báo của ngành công nghiệp và thương mại trong nước lẫn quốc tế. Cho nên, dự báo này góp phần củng cố tâm lý giảm giá hiện hành trên các thị trường.

Theo công ty phân tích thị trường Safras & Mercado, hiện nông dân Brazil đã bán khoảng 64% lượng cà phê vụ mới, xấp xỉ mức 66% của vụ mùa trước. Tuy nhiên do sản lượng năm nay lớn hơn năm ngoái số khối lượng đã bán có thể đạt 41 triệu bao, tăng hơn 7,5 triệu bao. [2]

Trong khi đó, Hiệp hội Xuất khẩu Cà phê Brazil cho biết nước này đã xuất khẩu được 3,42 triệu bao trong tháng 11, cao hơn 25,9% so với cùng kỳ năm trước. Đặc biệt, khối lượng xuất khẩu cà phê arabica tăng 500% (tương đương mức tăng 233,9 nghìn bao). [2]

Thời tiết tại Brazil tuần qua khô ráo tại khu vực trồng cà phê phía đông nam. Tuy nhiên, do gần đây mưa nhiều trên diện rộng, đặc biệt tại Zona da Mata, North Espirito Santo và Bahia đã giúp đất giữ nước nên điều kiện khô ráo hiện tại sẽ giúp cây cà phê phát triển tốt hơn. [2]



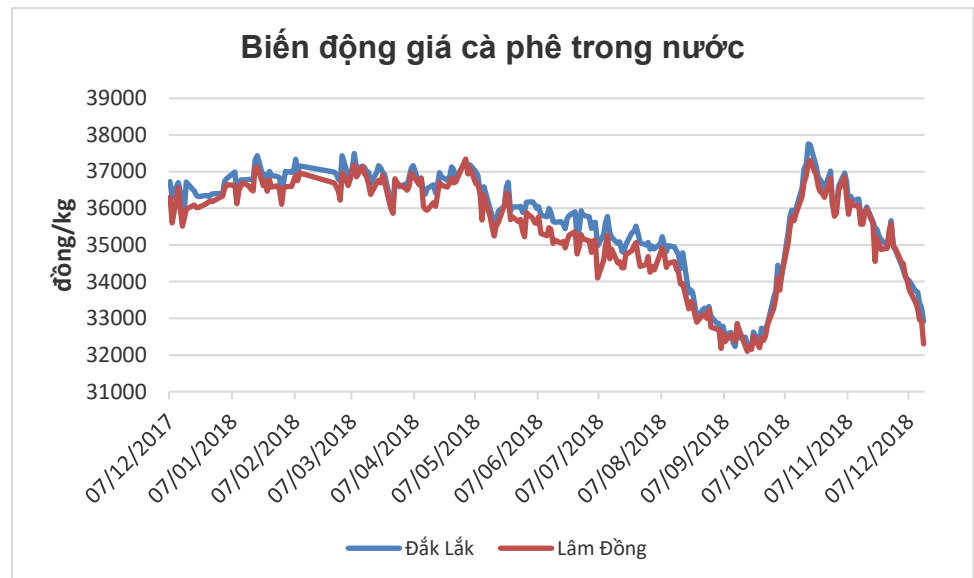
ĐIỂM TIN

Giá cà phê Robusta tại các tỉnh Tây Nguyên giảm từ 7,9% - 8,3% trong tuần vừa qua.

Cà phê giao ngay tại cảng Sài Gòn (FOB) giảm 1,9% so với tuần trước xuống còn 1.437 USD/tấn.

Xuất khẩu cà phê trong tháng 11 năm 2018 đạt 138 ngàn tấn.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



Nguồn: CTV dự án VNSAT thu thập

Giá cà phê trong nước tuần này tiếp tục xu hướng giảm mạnh so với tuần trước. Tại Đắc Lắc, giá cà phê bình quân đạt 33.419 đồng/kg, giảm 780 đồng so với mức giá tuần trước và thấp hơn 7,9% so với cùng kỳ năm 2017. Tại Lâm Đồng, giá cà phê giảm 3.5% so với tuần trước, xuống còn 32.980 đồng/kg, và thấp hơn 8,3% so với cùng kỳ năm ngoái. [5]

Giá cà phê xuất khẩu giao ngay (FOB) tại cảng Sài Gòn tuần này giảm 1,9% so với tuần trước xuống còn 1.437 USD/tấn và vẫn thấp hơn 12,1% so với cùng kỳ năm 2017. [5]

Tại khu vực các tỉnh Tây Nguyên, khối lượng cà phê dự trữ trong các kho tăng mạnh do hàng chuyển về ngày một nhiều. Các nhà đầu cơ và các quỹ đã quay lại bán ròng trên sàn London khiến giá giảm khi áp lực nguồn cung bắt đầu có dấu hiệu gia tăng. Ngoài ra, Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) đã nâng dự báo vụ mùa năm nay của Việt Nam thêm 1,67%, lên 30,4 triệu bao so với dự báo trước đây, cũng góp phần làm tăng sức ép giảm giá cà phê Robusta kỳ hạn tại London. [5]

Theo Bộ NN&PTNT, giá cà phê giảm do thị trường robusta tiếp tục chịu sức ép từ hoạt động bán phòng hộ hàng vụ mới



của các nước sản xuất.

Bộ cũng dự báo giá cà phê thời gian tới khó tăng lên do sản lượng vụ cà phê Conilon robusta mới năm nay của Brazil, sau khi đáp ứng đủ nhu cầu trong nước được cho là dư thừa khoảng 4 - 5 triệu bao xuất khẩu, đang chảy mạnh về sàn London để đăng ký bán đấu giá.

Theo dữ liệu báo cáo sơ bộ của ngành Hải quan Việt Nam, xuất khẩu cà phê trong tháng 11/2018 đạt 138 ngàn tấn (tương đương 2,3 triệu bao, bao 60 kg), chỉ tăng nhẹ 27 tấn, tức tăng 0,02% so với tháng trước và tăng mạnh tới 33.114 tấn, tức tăng 31,91% so với cùng kỳ năm trước. Giá cà phê bình quân xuất khẩu trong kỳ đạt 1.864 USD/tấn, tăng 2,48% so với giá bình quân xuất khẩu của tháng trước.

Đức và Mỹ tiếp tục là hai thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất của Việt Nam trong 10 tháng với thị phần lần lượt 12,5% và 9,5%.

Các thị trường có giá trị xuất khẩu cà phê tăng mạnh là Indonesia (gấp 7 lần), Nga (tăng 69,4%), Philippines (52,2%), Thái Lan (51,6%) và Algeria (19%).

Nguồn tham khảo:

- [1]. <https://www.theice.com/index>
- [2]. <http://www.scasa.co.za>
- [3]. <https://www.comunicaffe.com>
- [4]. <https://www.CNBC.com>
- [5]. CTV tổng hợp giá cà phê và tin cà phê tại địa phương;
- [6]. <https://www.vneconomy.vn>
- [7]. <https://www.vov.vn>
- [8]. <https://www.customs.vn>
- [9]. Vietnambiz.vn
- [10]. Vinanet.vn



Phụ lục: Giá cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên tuần 50 (10/12-14/12/2018)

ĐVT: đồng/kg

Tỉnh/Huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Biến động so tuần trước
Đắk Lắk						
<i>Giá đại lý</i>						
Cư M'gar (xô vối)	34.500	34.300	34.067	34.000	34.133	-913
Ea H'leo (xô vối)	34.433	34.433	34.333	34.200	34.000	-913
Krông Năng (xô vối)	34.433	34.267	34.067	34.033	33.967	-987
<i>Giá công ty</i>						
Cư M'gar (xô vối)	34.800	34.600	34.400	34.300	34.167	-1007
Ea H'leo (xô vối)	34.700	34.700	34.600	34.500	34.200	-940
Krông Năng (xô vối)	34.633	34.400	34.200	34.200	34.100	-973
Lâm Đồng						
<i>Giá đại lý</i>						
Bảo Lâm (xô vối)	34.000	34.167	33.567	33.500	33.300	-1047
Di Linh (xô vối)	34.000	33.800	33.500	33.500	33.200	-1120
Lâm Hà (xô vối)	35.600	35.500	35.400	35.000	34.800	-710
Đà Lạt (xô chè)	45.000	46.000	45.000	44.000	44.000	-3600
<i>Giá công ty</i>						
Bảo Lâm (xô vối)	34.467	34.567	34.067	34.000	33.800	-1073
Di Linh (xô vối)	34.500	34.300	34.000	34.000	33.700	-1120
Lâm Hà (xô vối)	36.100	35.900	35.800	35.333	35.200	-743
Đà Lạt (xô chè)	46.000	47.000	46.000	45.000	45.000	-3600
Đắk Nông						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Mil (xô vối)	34.400	34.400	34.400	34.400	33.850	-740
Đắk R'lấp (xô vối)	34.167	34.067	33.883	33.867	33.700	-1150
Đắk Song (xô vối)	34.350	34.150	33.950	33.950	33.850	-1110
<i>Giá công ty</i>						
Đắk Mil (xô vối)	34.700	34.700	34.700	34.700	34.150	-740



Đắk Lắk (xô vối)	34.467	34.367	34.200	34.167	34.000	-1143
Đắk Song (xô vối)	34.650	34.350	34.225	34.225	34.200	-1130
Gia Lai						
<i>Giá đại lý</i>						
Chư Pưh (xô vối)	34.500	34.333	34.200	34.200	34.033	-913
Plei ku (xô vối)	34.600	34.400	34.267	34.267	33.900	-913
<i>Giá công ty</i>						
Chư Pưh (xô vối)	35.433	34.967	34.833	34.833	34.167	-887
Pleiku (xô vối)	35.267	35.000	34.867	34.867	34.567	-893
Kon Tum						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Tô (xô vối)	34.500	34.300	34.100	34.100	34.000	-980
Đắk Hà (xô vối)	34.450	34.250	34.050	34.050	34.000	-1007
<i>Giá công ty</i>						
Đắk Tô (xô vối)	34.600	34.400	34.200	34.200	34.100	-980
Đắk Hà (xô vối)	34.600	34.400	34.200	34.200	34.100	-1033

Nguồn: CTV dự án VnSAT thu thập



Bản tin được thực hiện bởi **AGROINFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn

